

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
Trụ sở: Số 192 Cù Chính Lan, TP. Nam Định
Tel: 0228.3645718
VIMCERT 111

Số: KQ.112.25.06

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- 1 Đơn vị yêu cầu : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
- 2 Địa chỉ : Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km 10 đường 10 - xã Liên Minh – huyện Vụ Bản – Nam Định
- 3 Địa điểm quan trắc : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
- 4 Số lượng/ Loại mẫu : 01 mẫu nước thải.
- 5 Ký hiệu : NTC03-06/25.
- 6 Thời gian gửi/lấy mẫu : 02/6/2025.

Bảng: Kết quả phân tích nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 13-MT:2015 (A) C _{max}	QCVN 40:2011 (A) C _{max}	Phương pháp
			NTC 03-06/25			
01	pH	-	7,49	6-9	6-9	TCVN6492:2011
02	Nhiệt độ	°C	36,71	40	40	SMEWW2550B:2023
03	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	38	40,5	40,5	TCVN6625:2000
04	Độ màu	Pt-Co	40	40,5	50	TCVN6185C:2015
05	COD	mg/l	42	60,75	60,75	SMEWW5220C:2023
06	BOD ₅ (20°C)	mg/l	18	24,3	24,3	TCVN6001-1:2021
07	Amoni (theo N)	mg/l	1,0	-	4,05	TCVN5988:1995
08	Tổng Phôtpho	mg/l	0,8	-	3,24	TCVN6202:2008
09	Tổng Nito	mg/l	12,4	-	16,2	TCVN6638:2000
10	Sunfua	mg/l	0,15	-	0,162	SMEWW 4500S ² B&D:2023
11	Clorua	mg/l	76	-	405	TCVN6194:1996
12	Clo dư	mg/l	<0,6	0,81	0,81	TCVN6225-3:2011
13	Asen	mg/l	<0,006	-	0,0405	SMEWW 3114B:2023
14	Thủy ngân	mg/l	<0,0009	-	0,0045	TCVN7877:2008
15	Cadimi	mg/l	<0,0012	-	0,0405	SMEWW3113B:2023
16	Chì	mg/l	<0,009	-	0,081	SMEWW3113B:2023
17	Crom(III)	mg/l	<0,015	-	0,162	SMEWW3113B:2023 SMEWW3500-Cr.B:2023
18	Đồng	mg/l	<0,09	-	1,62	SMEWW 3111B:2023

BM16/02 -02

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 13-MT:2015 (A) C_{max}	QCVN 40:2011 (A) C_{max}	Phương pháp
			NTC 03-06/25			
19	Kẽm	mg/l	0,045	-	2,43	SMEWW 3111B:2023
20	Niken	mg/l	<0,09	-	0,162	SMEWW 3111B:2023
21	Mangan	mg/l	0,097	-	0,405	SMEWW3111B:2023
22	Sắt	mg/l	0,45	-	0,81	TCVN6177:1996
23	Crom(VI)	mg/l	<0,012	0,0405	0,0405	SMEWW 3500-Cr.B:2023
24	Xyanua	mg/l	<0,008	0,0567	0,0567	TCVN6181:1996
25	Tổng Phenol	mg/l	<0,003	-	0,081	TCVN6216:1996
26	Dầu mỡ khoáng	mg/l	<3,2	-	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
27	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	<0,13	4,05	-	TCVN6622-1:2009
28	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	1.900	-	3.000	TCVN 8775:2011

Ghi chú

NTC03-06/25	Mẫu nước thải sau hồ sinh học của KCN, điểm trước khi chảy ra mương tiêu của xã sau đó ra kênh C9-5.
QCVN13-MT:2015(B)	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.
QCVN40:2011/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
Dầu (-)	Quy chuẩn không quy định.
C_{max}	Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp (hoặc nước thải công nghiệp dệt nhuộm) khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải (Áp dụng $C_{max} = C \cdot K_q \cdot K_f$ với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$)
KPH	Không phát hiện.

- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị với mẫu nêu trên
- Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Công nghệ Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường Nam Định.

PHÒNG PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG

Đinh Thị Huyền

Đinh Thị Huyền

Ngày 12 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Trung



BM 01-7.8

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
ENVIRONMENT ANALYSING AND TECHNIQUE, JSC
VIMCERTS 006 - VILAS 372 - GIẤY PHÉP BYT

Đ/C: số 311 Vũ Tổng Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0243.5598795 Fax: 0243.5593120 Email: kythuat_moitruong@eatc.com.vn

Số: 01413/2025/PKQ (25.308)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ĐƠN VỊ GỬI MẪU: TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 192, ĐƯỜNG CÙ CHÍNH LAN, TP NAM ĐỊNH

Kí hiệu mẫu	NTC03-06/25
Đặc điểm mẫu	Nước hơi vàng, có cặn
Ngày nhận mẫu	Ngày 03 tháng 06 năm 2025
Ngày phân tích	Từ ngày 04/06/2025 đến ngày 11/06/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	QCVN 13-MT:2015/BTNMT
					Cmax - Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9	Cmax - Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9
1	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500F-.B&D:2023	<0,09	4,05	-
2	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,03	0,1	-
3	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,01	1	-

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
Cmax - Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm;
Cmax - Cột A, Kq=0,9 và Kf=0,9 (Sông suối khe rạch kênh mương)
- (-): không quy định.

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2025

TM BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM

KIỂM TRA

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tâm

Nguyễn Thị Thu Thảo

Nguyễn Tất Đông



Seal of the Ministry of Science and Technology of Vietnam. The seal is circular with the text "CỘNG HÒA X. H. C. N VIỆT NAM" (Democratic Republic of Vietnam) around the top and "S. H. C. N" (Science and Technology) around the bottom. In the center, it reads "TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG" (Center for Environmental Monitoring and Technology). Below the seal, the word "BIÊN" is partially visible.

VIMCERT 111

Số: 108.061.25- LM

1. Thông tin chung:

- Đơn vị yêu cầu: Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Bắc Minh
- Địa chỉ: Lô L1, Đường D, KCN Bắc Minh, Km 10, Đường 10, xã Liên Minh, huyện Vu Bản, tỉnh Nam Định
- Địa điểm quan trắc: Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Bắc Minh
- Mục đích quan trắc: Giám sát môi trường định kỳ
- Số lượng/loại mẫu: 01 mẫu nước
- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 8880:2011, TCVN 6663-3:2016
- Điều kiện thời tiết: Trời nắng
- Thiết bị quan trắc: Thiết bị lấy mẫu nước, Thiết bị đo nước đa chỉ tiêu, Máy đo pH, Thiết bị đo lưu lượng nước FP111, Tủ bảo quản mẫu đi hiện trường và các dụng cụ lấy mẫu...

[illegible]